

# BIỂU TƯỢNG CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ VỀ SỰ ĐỒNG HÀNH CỦA BỐ MẸ TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

TS. Trịnh Thị Linh

*Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn.*

## TÓM TẮT

*Kết quả nghiên cứu thể hiện trong bài viết này là một phần trong đề tài Luận án Tiến sĩ Tâm lý học của tác giả, bảo vệ năm 2010 tại Trường Đại học Toulouse II - Le Mirail (Cộng hòa Pháp). Kết quả cho phép khẳng định sự ảnh hưởng của giới tính và lứa tuổi thuộc nhóm khách thể nghiên cứu đến sự nhìn nhận của các em về sự đồng hành của cha mẹ trong hoạt động học tập. Đồng thời, một lần nữa khẳng định vai trò vô cùng quan trọng của gia đình trong sự phát triển tâm, sinh lý của trẻ. Đặc biệt, sự nhìn nhận của trẻ về sự đồng hành của bố mẹ trong hoạt động học tập, nhất là kiểu đồng hành Trợ giúp về mặt tình cảm và Tự do theo nguyên tắc có ảnh hưởng rất lớn tới tự đánh giá bản thân của các em.*

*Từ khóa: Biểu tượng, sự đồng hành, hoạt động học tập.*

### 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ rõ sự cần thiết của việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội đối với sự thành công học đường cũng như sự phát triển của trẻ em và thanh thiếu niên (Henderson & Mapp, 2002). Có thể nói, trường học cung cấp cho học sinh những kỹ năng và khả năng thông qua việc tiếp nhận tri thức. Trong khi đó, gia đình, đặc biệt là sự giáo dục của cha mẹ lại giữ một vai trò quan trọng trong việc trẻ tiếp nhận tri thức cũng như những hiểu biết văn hóa - xã hội (Lescarret & al., 1997; Lescarret, 2000). Oubrayrie và cộng sự (2007, 2008) đã chỉ ra rằng, không đơn thuần là sự giúp đỡ trực tiếp của bố mẹ đối với các hoạt động học tập ảnh hưởng đến kết quả học tập của trẻ mà chính thái độ của bố mẹ cũng giữ một vai trò vô cùng quan trọng.

Không ít công trình nghiên cứu đã cho thấy, những đứa trẻ miêu tả bố mẹ chúng như là những người rất nóng hậu, dân chủ, cương nghị thường có kết quả học tập tốt hơn bạn bè cùng trang lứa (Deslandes & Royer, 1997; Deslandes & Potvin, 1998). Nói một cách khác, trong mối liên hệ với thành công/thất bại học đường, nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định mối quan hệ tích cực giữa sự tham gia của bố mẹ trong việc theo dõi việc học của trẻ và kết quả học tập của đối tượng này (Dornbush & Ritter, 1992; Grolnick & Ryan, 1989; Steinberg & al., 1992...). Các hình thức của sự tham gia này rất đa dạng, tuy nhiên, theo Dornbush và Ritter, việc bố mẹ nâng đỡ, khen thưởng và trợ giúp trẻ thường mang lại cho trẻ những kết quả cao trong học tập hoặc chí ít cũng cải thiện thành tích học tập của trẻ. Ở đây, trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung tìm hiểu về sự tham gia của bố mẹ trong hoạt động học tập của trẻ, đặc biệt là việc giúp trẻ làm bài tập về nhà. Bởi lẽ, như Corno (2000) đã nhận định: Bài tập về nhà là “điểm giao nhau” (intersection) giữa nhà trường và gia đình. Vì vậy, có thể nói, biểu tượng của trẻ về sự trợ giúp của bố mẹ trong việc làm bài tập về nhà giữ một vai trò vô cùng quan trọng.

Bên cạnh đó, thực tế cho thấy rằng, giáo dục của nước ta trong những năm gần đây thường xuyên có những cải cách, dẫn đến các bậc phụ huynh cũng có sự thay đổi trong việc trợ giúp cho việc học của con em mình. Qua các lần cải cách giáo dục, khối lượng kiến thức trong chương trình sách giáo khoa có sự thay đổi rất lớn. Những kiến thức mà các bậc làm cha, làm mẹ học được trước đây giờ có thể trở nên lỗi thời, lạc hậu. Ngược lại, có những kiến thức mới được bổ sung vào chương trình đào tạo lại hết sức “lạ lẫm” đối với các bậc phụ huynh. Đôi khi họ không thể giải thích cũng như không thể hỗ trợ được cho trẻ trong các hoạt động học tập, đặc biệt là việc làm bài tập ở nhà. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân thúc đẩy phụ huynh “gửi” con em mình đến các lớp học thêm. Kéo theo đó, sự tham gia của họ trong việc quản lý việc học của con cũng thay đổi: Họ đánh giá việc học của con em thông qua việc các em dành bao nhiêu thời gian cho việc làm bài tập về nhà, thông qua điểm số của các em ở trường, thông qua lượng thời gian mà các em theo học tại các lớp học thêm... Đôi khi, sự theo dõi của bố mẹ chỉ dừng lại ở việc nhắc con em mình đến giờ học bài, hỏi các em xem liệu các em đã làm tốt bài tập hay chưa... Nói một cách khác, sự trợ giúp của cha mẹ cho các em trong việc học đã có sự thay đổi lớn về “chất” so với trước kia.

Vậy, câu hỏi đặt ra là học sinh, đặc biệt là học sinh ở độ tuổi lớp 8, lớp 9 - lớp học có vai trò vô cùng quan trọng trong việc chuẩn bị cho kỳ thi vượt cấp - nhìn nhận như thế nào về sự trợ giúp “tinh thần” này của cha mẹ trong việc học tập của các em? Và sự trợ giúp tinh thần này có mối quan hệ như thế nào với tự đánh giá bản thân của đối tượng này? Nghiên cứu này ít nhiều sẽ luận giải cho vấn đề vừa nêu.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu chủ đạo là nghiên cứu định lượng trên số lượng khách thể là 696 học sinh THCS, độ tuổi từ 14 - 15 tuổi (cụ thể là học sinh lớp 8 và lớp 9)<sup>(1)</sup>.

## 3. Xây dựng thang đo về biểu tượng của học sinh THCS về sự đồng hành của bố mẹ trong hoạt động học tập

Dựa trên công trình nghiên cứu của Deslandes và cộng sự (1997) trên đối tượng học sinh tiểu học và THCS ở Canada cũng như công trình nghiên cứu của Oubrayrie và cộng sự (2006 - 2009) trên đối tượng học sinh ở Pháp, chúng tôi đã xây dựng một thang đo có cấu trúc kiểu Likert theo thang điểm từ 1 (*không bao giờ*) đến 5 (*luôn luôn*) dành cho học sinh THCS tại Hà Nội. Thang đo mô tả một cách khái quát các cách ứng xử cũng như thái độ của các bậc phụ huynh trong quá trình đồng hành với con em mình trong hoạt động học tập thông qua lăng kính chủ quan của chính các em.

Dựa trên cơ sở của sự phát triển xúc cảm, tình cảm của trẻ, thang đo dự kiến ban đầu bao gồm 16 item, tập trung trên 2 trục chính: *Sự trợ giúp về mặt tình cảm* và *sự kiểm soát* của cha mẹ trong hoạt động học tập dưới góc nhìn của trẻ. Tuy nhiên, kết quả phân tích yếu tố (ACP) trên số liệu điều tra thử của chúng tôi cho thấy: 16 item trong thang đo được sắp xếp một cách rất rõ ràng theo 3 nhân tố. Việc phân tích nội dung các item thuộc các trục khác nhau này đã giúp chúng tôi gọi tên một cách rõ ràng 3 kiểu đồng hành của cha mẹ trong hoạt động học tập của trẻ, cụ thể đó là: Kiểu đồng hành *Trợ giúp về mặt tình cảm* (6 items), kiểu *Kiểm soát* (7 item) và kiểu *Tự do theo nguyên tắc* (3 items).

Thang đo cho phép thu được một điểm số chung thể hiện biểu tượng của học sinh THCS về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học và 3 điểm số thành phần cho các kiểu đồng hành tương ứng. Đối với kiểu đồng hành *Trợ giúp về mặt tình cảm*, điểm tối thiểu là 6 và điểm tối đa là 30; đối với kiểu *Kiểm soát*, điểm tối thiểu là 7 và điểm tối đa là 35; điểm tối thiểu là 3 và tối đa là 15 cho kiểu đồng hành *Tự do theo nguyên tắc*. Những điểm số này là những chỉ báo cho sự nhìn nhận tích cực hay tiêu cực về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học dưới lăng kính chủ quan của các em học sinh THCS. Điểm số chung cho biểu tượng của học sinh về sự đồng hành này tương ứng với tổng điểm của 3 kiểu đồng hành thành phần. Như vậy, đối với thang đo này, điểm số tối thiểu của biểu tượng của học sinh về sự đồng hành của bố mẹ là 16, điểm số tối đa là 80. Nói một cách khác, dưới sự nhìn nhận của trẻ, điểm số của biểu tượng về sự đồng hành của bố mẹ cũng như của các kiểu đồng hành thành phần càng cao càng thể hiện rõ mức độ đồng hành của bố mẹ trong việc học đối với các em và ngược lại.

Kết quả Alpha của Cronbach cho thấy, độ tin cậy của thang đo là tương đối cao:  $\alpha = 0,72$ , trong đó  $\alpha = 0,83$  cho kiểu đồng hành Trợ giúp về mặt tình cảm,  $\alpha = 0,67$  cho kiểu Kiểm soát và  $\alpha = 0,50$  cho kiểu Tự do theo nguyên tắc.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

**4.1. Biểu tượng của học sinh THCS về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học theo giới tính và theo tuổi.**

- Theo giới tính: Kết quả phân tích phương sai (ANOVA) (bảng 1) cho thấy, sự khác biệt có ý nghĩa giữa nam và nữ trong biểu tượng của các em về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học ( $F = 12,111$ ;  $p < 0,01$ ).

**Bảng 1: Sự khác biệt theo giới tính trong biểu tượng của học sinh THCS về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học**

Biểu tượng của học sinh về sự đồng hành của bố mẹ	Giới tính	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	F	P
	Nam	321	53,45	9,072	12,111	0,001
	Nữ	344	50,98	9,185		
	Tổng	665	52,54	9,207		

Số liệu thu được cho thấy: Khi nhìn nhận về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học, đặc biệt là trong việc làm bài tập về nhà, điểm trung bình của học sinh nam cao hơn so với điểm trung bình của học sinh nữ. Nói một cách khác, dường như các em học sinh nam có sự nhìn nhận tích cực hơn về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học so với các bạn nữ đồng trang lứa.

Vấn đề đặt ra là liệu sự nhìn nhận chung này có luôn đúng đối với cả 3 kiểu đồng hành của cha mẹ đã nêu ra ở trên? Kết quả ở bảng 2 phần nào sẽ làm sáng tỏ được câu hỏi này.

Bảng 2 cho thấy, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê rất cao trong biểu tượng của học sinh nam và học sinh nữ về các kiểu đồng hành của bố mẹ, đặc biệt là đối với kiểu kiểm soát ( $F = 25,221$ ;  $p < 0,001$ ). Số liệu của bảng 2 cũng chỉ ra rằng, trong số 3 kiểu đồng hành của bố mẹ mà đề tài nghiên cứu đã đưa ra thì chỉ có duy nhất kiểu “Tự do theo nguyên tắc” là điểm trung bình của học sinh nữ (10,61) cao hơn so với học sinh nam (9,84) - ngược lại hoàn toàn so với kiểu đồng hành Trợ giúp về mặt tình cảm và Kiểm soát. Nói một cách khác, hầu hết các trẻ nam đều nhìn nhận sự đồng hành của bố mẹ trong hoạt động học tập của các em thiên về kiểu “Kiểm soát”, trong khi đó, các trẻ nữ nhìn nhận sự đồng hành của bố mẹ thiên về kiểu “Tự do theo nguyên tắc”

*Bảng 2: Sự khác biệt theo giới tính trong biểu tượng của học sinh về các kiểu đồng hành của bố mẹ trong học tập*

Các kiểu đồng hành	Giới tính	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	F	p
Tự do theo nguyên tắc	Nam	321	<b>9,84</b>	3,178	10,100	<b>0,002</b>
	Nữ	344	<b>10,61</b>	3,041		
	Tổng	665	10,24	3,129		
Kiểm soát	Nam	322	<b>24,57</b>	5,001	25,221	<b>0,000</b>
	Nữ	344	<b>22,62</b>	4,910		
	Tổng	666	23,57	5,043		
Trợ giúp về mặt tình cảm	Nam	322	<b>19,06</b>	5,504	9,321	<b>0,002</b>
	Nữ	344	<b>17,73</b>	5,694		
	Tổng	666	18,37	5,638		

Theo quan điểm của chúng tôi, các nguyên tắc giáo dục và các giá trị truyền thống của các gia đình Việt Nam đã tạo ra những khác biệt này. Tư tưởng của người Việt Nam nói chung chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Nho Giáo. “Công, dung, ngôn, hạnh” đã trở thành tứ đức chuẩn mực của người phụ nữ và người ta dựa vào đó để đánh giá về “giá trị” của họ. Vậy tại sao trong nghiên cứu này dường như các bậc phụ huynh dành nhiều sự “tự do” hơn cho trẻ nữ? Phải chăng hoặc theo tư tưởng truyền thống, họ cho rằng, việc học hành của trẻ nữ không quan trọng bằng trẻ nam hoặc họ cho rằng, với tất cả những gì trẻ nữ đã được thụ hưởng trong nền giáo dục Việt Nam thì các em dễ dàng hơn trẻ nam rất nhiều trong việc “phục tùng” và vâng theo lời người khác, nhất là bố mẹ mình? Trong khi đó, đối với trẻ trai, hầu như các bậc phụ huynh đều cho rằng, trẻ trai thường “cứng đầu” hơn trẻ gái. Vì vậy, với tư cách là những người làm cha, làm mẹ, hầu như các bậc phụ huynh đều theo rất sát con em mình. Song bên cạnh đó, ở lứa tuổi này, trẻ vị thành niên cũng có nhu cầu được trợ giúp về mặt tình cảm đối với những công việc mà các em làm (Vũ Thị Nho, 1999). Việc quá cứng nhắc trong cách ứng xử với các em có thể sẽ gây ra những hậu quả khôn lường. Thế nên, mặc dù các bậc phụ huynh cho rằng, cần phải kiểm soát một cách gắt gao các trẻ trai, họ vẫn dành cho các em những sự trợ giúp nhất định về mặt tinh thần, đặc biệt là trong các hoạt động học tập của các em.

Như vậy, một cách chung nhất, có thể khẳng định rằng, đối với nhóm khách thể là học sinh THCS trong đề tài nghiên cứu này, biểu tượng của các em

về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học, nhất là trong việc làm bài tập về nhà có sự khác biệt theo giới tính của chính các em.

*- Theo lứa tuổi*

Khách thể của nghiên cứu này chỉ bao gồm những học sinh trong độ tuổi 14 - 15 tuổi - độ tuổi quá gần để có thể giả định có sự khác biệt hay không trong cách nhìn nhận của các em về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học. Tuy nhiên, kết quả phân tích ANOVA đã phần nào làm "lung lay" nhận định này của chúng tôi với sự khác biệt có ý nghĩa của trẻ ở hai độ tuổi này ( $F = 7,608$ ;  $p < 0,01$ ). Nói một cách khác, dường như độ tuổi của trẻ có sự tác động đến cách nhìn nhận của các em về sự đồng hành của bố mẹ: Những trẻ nhỏ tuổi hơn cảm thấy được bố mẹ trợ giúp nhiều hơn những trẻ lớn tuổi hơn trong việc làm bài tập ở nhà.

**Bảng 3: Sự khác biệt theo độ tuổi trong biểu tượng của học sinh về các kiểu đồng hành của bố mẹ trong học tập**

Kiểu đồng hành của bố mẹ	Độ tuổi	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	F	P
Tự do theo nguyên tắc	14	405	10,29	3,003	0,203	0,652
	15	280	10,18	3,235		
	Tổng	685	10,25	3,114		
Kiểm soát	14	406	23,54	5,179	0,147	0,702
	15	280	23,39	4,953		
	Tổng	686	23,48	5,085		
Trợ giúp về mặt tình cảm	14	406	<b>19,04</b>	5,398	15,895	<b>0,000</b>
	15	280	<b>17,32</b>	5,821		
	Tổng	686	18,34	5,635		

Kết quả của bảng số liệu trên chỉ ra rằng, dường như không có sự khác biệt trong biểu tượng của trẻ về sự đồng hành của bố mẹ theo độ tuổi đối với kiểu đồng hành Tự do theo nguyên tắc ( $F = 0,203$ ;  $p > 0,5$ ) cũng như đối với kiểu Kiểm soát ( $F = 0,147$ ;  $p > 0,5$ ). Tuy nhiên, riêng đối với kiểu trợ giúp về mặt tình cảm, chúng tôi ghi nhận sự khác biệt rất có ý nghĩa thống kê giữa trẻ ở hai độ tuổi 14 và 15 tuổi ( $F = 15,895$ ;  $p < 0,01$ ). Có vẻ như theo những gì học sinh chia sẻ thì những học sinh ít tuổi hơn đã nhận được nhiều sự trợ giúp, sự

động viên từ phía bố mẹ hơn trong việc thực hiện các bài tập về nhà cũng như trong việc học nói chung.

Câu hỏi đặt ra ở đây là liệu độ tuổi giữ vai trò cốt yếu trong việc xây dựng biểu tượng về sự Trợ giúp của cha mẹ về mặt tình cảm, hay biểu tượng này cũng bị chi phối bởi yếu tố giới tính của trẻ? Để trả lời cho câu hỏi này, chúng tôi đã tiếp tục tiến hành phân tích phương sai, kết hợp cả hai yếu tố giới tính và lứa tuổi đối với kiểu đồng hành Trợ giúp về mặt tình cảm. Kết quả thu được thể hiện trong bảng số liệu sau:

*Bảng 4: Sự khác biệt theo độ tuổi và giới tính trong biểu tượng của học sinh về kiểu trợ giúp về mặt tình cảm của bố mẹ trong học tập*

Kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm	Tuổi	Nữ				Nam			
		Số lượng	Điểm trung bình	F	P	Số lượng	Điểm trung bình	F	P
	14	210	18,77	18,698	0,000	177	19,55	3,123	0,078
	15	134	16,11			145	18,46		
	Tổng	344	17,73			322	19,06		

Số liệu ở bảng 4 cho thấy rằng, trong khi biểu tượng của học sinh nam về kiểu trợ giúp về mặt tình cảm của bố mẹ không có sự khác biệt ở độ tuổi 14 và 15 tuổi ( $F = 3,123; p > 0,05$ ) thì ngược lại, đối với học sinh nữ, chúng tôi lại nhận thấy một sự khác biệt có ý nghĩa cao về mặt thống kê. Những học sinh nữ ở độ tuổi 14 cho rằng, các em nhận được nhiều sự trợ giúp hơn về mặt tình cảm so với những học sinh nữ ở độ tuổi 15 ( $F = 18,698; p < 0,01$ ). Nói một cách khác, chúng ta có thể khẳng định rằng, có sự thay đổi trong biểu tượng của học sinh về sự Trợ giúp về mặt tình cảm của bố mẹ theo lứa tuổi và sự khác biệt này chỉ xuất hiện ở học sinh nữ.

Luận giải cho điều này, tác giả bài viết cho rằng, khi chúng ta còn nhỏ, chúng ta thường dễ dàng thiết lập được mối quan hệ thân thiện với bố mẹ. Chúng ta chia sẻ mọi điều với bố mẹ, cả trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong cuộc sống học đường. Càng lớn, khoảng cách giữa bố mẹ và con cái dường như càng lớn, đặc biệt là ở lứa tuổi vị thành niên. Trẻ ngày càng ít tiếp xúc với bố mẹ hơn. Chúng “chuyển hướng” sang bạn bè cùng trang lứa hoặc những người lớn khác. Vì vậy, thực hành giáo dục của cha mẹ chắc hẳn sẽ có những thay đổi trong giai đoạn này. Bố mẹ thường tập trung quan tâm nhiều hơn đến “những đứa nhỏ trong nhà” và khuyến khích tính độc lập nơi trẻ lớn

hơn, đặc biệt là trong các hoạt động học tập. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, điều đó không có nghĩa là bố mẹ không trợ giúp, nâng đỡ cho những trẻ lớn. Bởi như đã trình bày ở trên, trong nghiên cứu này, không đơn thuần tuổi của trẻ là yếu tố ảnh hưởng quyết định đến biểu tượng của các em về sự trợ giúp tinh thần của bố mẹ trong việc học mà cần phải tính đến cả hai yếu tố lứa tuổi và giới tính khi nhìn nhận về vấn đề này.

#### 4.2. Biểu tượng của học sinh THCS về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học trong mối quan hệ với tự đánh giá bản thân<sup>(2)</sup>.

Mục đích của chúng tôi trong phần này là nhằm kiểm chứng mối liên hệ có tính dự báo của biểu tượng của học sinh THCS về sự đồng hành của bố mẹ trong hoạt động học tập và tự đánh giá bản thân của các em. Để có câu trả lời, phép phân tích hồi quy tuyến tính đã được sử dụng.

##### 4.2.1. Mối liên hệ giữa biểu tượng về sự đồng hành của bố mẹ trong hoạt động học tập và tự đánh giá bản thân của học sinh THCS

Phân tích hồi quy đơn tuyến tính trên số liệu thu được cho chúng tôi kết quả như sau:

**Bảng 5: Hồi quy đơn tuyến tính giữa biểu tượng về sự đồng hành trong việc học và tự đánh giá bản thân của học sinh**

	Hệ số hồi quy không chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	T	p	Khoảng tin cậy 95%	
	b	Độ lệch chuẩn	$\beta$			Dưới	Trên
Biểu tượng của học sinh	48,810	2,417	0,399	20,194	0,000	44,064	53,555
	0,524	0,046		11,445	0,000	0,434	0,613

*Biến phụ thuộc: Tự đánh giá bản thân*

Nhìn vào bảng số liệu 5, chúng tôi nhận thấy mối liên hệ dương tính có ý nghĩa thống kê giữa biểu tượng của học sinh THCS về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học và tự đánh giá bản thân của đối tượng này ( $r = 0,399$ ;  $p < 0,001$ ). Khoảng tin cậy 95% của từng hệ số hồi quy không chuẩn hóa cho thấy rằng, sự tăng lên của mỗi một điểm số của biểu tượng về sự đồng hành của bố mẹ sẽ có thể kéo theo sự đánh giá bản thân tích cực của học sinh, với điểm số dao động từ 0,434 đến 0,613 điểm.

##### 4.2.2. Mối liên hệ giữa các kiểu đồng hành của bố mẹ trong hoạt động học tập và các lĩnh vực tự đánh giá bản thân của học sinh THCS

a) Đối với tự đánh giá bản thân nói chung

Phân tích hồi quy tuyến tính bội theo phương pháp chọn từng bước đã được chúng tôi sử dụng nhằm mục đích kiểm tra giá trị dự báo của từng kiểu đồng hành của bố mẹ trong việc học của trẻ đối với tự đánh giá bản thân nói chung của đối tượng này.

**Bảng 6: Phân tích hồi quy tuyến tính bội giữa các kiểu đồng hành của bố mẹ và tự đánh giá bản thân của học sinh**

	b	Độ lệch chuẩn	$\beta$
<b>Mô hình 1</b>			
	57,958	1,388	
Kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm	0,987	0,072	0,460*
<b>Mô hình 2</b>			
	51,741	1,716	
Kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm	0,893	0,072	0,416*
Kiểu Tự do theo nguyên tắc	0,776	0,131	0,199*

*Biến phụ thuộc: Tự đánh giá bản thân*

$R^2 = 0,46$  đối với Mô hình 1;  $R^2 = 0,5$  đối với mô hình 2;  $R^2$  điều chỉnh = 0,25 đối với Mô hình 2; \*  $p < 0,001$ .

Bảng 6 thu hút sự chú ý của chúng tôi bởi sự vắng mặt của kiểu đồng hành Kiểm soát trong mối liên hệ với tự đánh giá bản thân của học sinh. Ngược lại, chúng tôi lại nhận thấy một sự tương quan tương đối ( $R^2 = 0,50$ ) của kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm và kiểu Tự do theo nguyên tắc với biến số này. Kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm và kiểu Tự do theo nguyên tắc có thể giải thích khoảng 25% sự biến thiên của tổng số điểm tự đánh giá bản thân của trẻ ( $R^2$  điều chỉnh = 0,25). Hệ số hồi quy tuyến tính liên quan đến “*Kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm*” (0,893) có ý nghĩa dương tính ( $t = 12,321$ ;  $p < 0,001$ ). Điều này cũng được nhận thấy đối với hệ số hồi quy tuyến tính liên quan đến kiểu *Tự do theo nguyên tắc* theo sự nhìn nhận của trẻ trong nhóm khách thể nghiên cứu của chúng tôi (0,776) ( $t = 5,902$ ;  $p < 0,001$ ).

Tuy nhiên, nhìn vào hệ số hồi quy chuẩn hóa  $\beta$ , chúng tôi có thể nói rằng, trong mối quan hệ với tự đánh giá bản thân của trẻ vị thành niên trong nhóm khách thể nghiên cứu, biểu tượng về sự Trợ giúp về mặt tình cảm của bố

mẹ ( $\beta = 0,416$ ) dường như là có sự ảnh hưởng rõ nét hơn so với kiểu Tự do theo nguyên tắc mà các em nhìn nhận về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học ( $\beta = 0,199$ ).

Tương tự, chúng tôi cũng đã phân tích hồi quy tuyến tính bội theo phương pháp chọn từng bước để xác định “giá trị dự báo” của từng kiểu đồng hành của bố mẹ trong việc học đối với từng lĩnh vực của cái tôi của học sinh.

### b) Đối với cái tôi học đường

**Bảng 7: Phân tích hồi quy tuyến tính bội giữa các kiểu đồng hành của bố mẹ và cái tôi học đường của học sinh**

	Hệ số hồi quy không chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	T	p	Khoảng tin cậy 95%		R	R <sup>2</sup> điều chỉnh
	b	Độ lệch chuẩn	$\beta$						
Tự do theo nguyên tắc	7,685	0,322	0,204	23,888	0,000	7,053	8,316	0,20	0,04
	0,165	0,030		5,487	0,000	0,106	0,224		

*Biến phụ thuộc: Cái tôi học đường*

Bảng số liệu 7 cho thấy, chỉ có duy nhất biểu tượng về sự đồng hành theo kiểu Tự do theo nguyên tắc có thể lý giải cho cái tôi học đường của trẻ (4%). Tuy nhiên, số liệu thu được cũng chỉ cho phép khẳng định một mối liên hệ tương đối yếu giữa kiểu đồng hành này của bố mẹ và cái tôi học đường của con em họ ( $R = 0,2$ ).

### c) Đối với cái tôi gia đình

Có thể nói, 2 kiểu đồng hành “Trợ giúp về mặt tình cảm” và “Tự do theo nguyên tắc” là hai chỉ báo cho cái tôi gia đình của trẻ. Cái tôi gia đình cao được giải thích bởi sự nhìn nhận hết sức tích cực của trẻ về sự trợ giúp về mặt tình cảm của bố mẹ. Hệ số hồi quy tuyến tính liên quan đến kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm (0,339) là một hệ số dương tính có ý nghĩa ( $t = 11,061$ ;  $p < 0,001$ ). Chúng tôi cũng nhận thấy điều tương tự đối với kiểu đồng hành Tự do theo nguyên tắc ( $t = 2,758$ ;  $p < 0,01$ ).

Tuy nhiên, có thể nói rằng, trong tổng thể những gì mà kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy, thì chính kiểu đồng hành Trợ giúp về mặt tình cảm là có ảnh hưởng rõ nét nhất đến cái tôi gia đình của trẻ vị thành niên.

**Bảng 8: Phân tích hồi quy tuyến tính bội giữa các kiểu đồng hành của bố mẹ và cái tôi gia đình của học sinh**

	b	Độ lệch chuẩn	$\beta$
<b>Mô hình 1</b>			
	23,344	0,603	
Kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm	0,354	0,030	0,440*
<b>Mô hình 2</b>			
	22,059	0,760	
Kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm	0,339	0,031	0,421*
Kiểu Tự do theo nguyên tắc	0,150	0,055	0,105**

*Biến phụ thuộc: Cái tôi gia đình*

$R^2 = 0,44$  đối với mô hình 1;  $R^2 = 0,45$  đối với mô hình 2;  $R^2$  điều chỉnh = 0,20 đối với mô hình 2; \* $p < 0,001$ ; \*\* $p < 0,01$ .

*d) Đối với cái tôi xã hội*

Tương tự, chúng tôi nhận thấy rằng, kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm cũng có một sự ảnh hưởng rất rõ nét đến cái tôi xã hội của học sinh:

**Bảng 9: Phân tích hồi quy tuyến tính bội giữa các kiểu đồng hành của bố mẹ và cái tôi xã hội của học sinh**

	b	Độ lệch chuẩn	$\beta$
<b>Mô hình 1</b>			
	18,300	0,594	
Kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm	0,228	0,031	0,273*
<b>Mô hình 2</b>			
	16,784	0,748	
Kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm	0,205	0,032	0,246*
Kiểu Tự do theo nguyên tắc	0,188	0,057	0,124**

*Biến phụ thuộc: Cái tôi xã hội*

$R^2 = 0,27$  đối với mô hình 1;  $R^2 = 0,3$  đối với mô hình 2;  $R^2$  điều chỉnh = 0,09 đối với mô hình 2; \* $p < 0,001$ ; \*\* $p < 0,01$ .

Bảng 9 cũng cho thấy một sự ảnh hưởng tương đối yếu của kiểu đồng hành Tự do theo nguyên tắc của bố mẹ đối với cái tôi xã hội của học sinh ( $t = 3,293$ ;  $p < 0,01$ ).

*e) Đối với cái tôi thể chất*

**Bảng 10: Phân tích hồi quy tuyến tính bội giữa các kiểu đồng hành của bố mẹ và cái tôi thể chất của học sinh**

	Hệ số hồi quy không chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	T	p	Khoảng tin cậy 95%		R	R <sup>2</sup> điều chỉnh
	b	Độ lệch chuẩn	$\beta$						
Kiểu Trợ giúp về mặt tình cảm	13,933	0,563	0,162	24,750	0,000	12,828	150,038	0,16	0,02
	0,127	0,029		4,329	0,000	0,069	0,185		

*Biến phụ thuộc: Cái tôi thể chất*

Quan sát số liệu thu được trong bảng 9, chúng tôi có thể nói rằng, chỉ có duy nhất kiểu đồng hành *Trợ giúp về mặt tình cảm* của bố mẹ lý giải được cái tôi thể chất của trẻ. Song, chúng tôi cũng ý thức được rằng, đây mới liên hệ tuyến tính của hai yếu tố này còn chưa cao (2%).

## 5. Kết luận chung

### 5.1. Về biểu tượng của học sinh THCS về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học theo giới tính và theo tuổi

Thứ nhất, *về giới tính của trẻ*: Kết quả nghiên cứu thu được đã khẳng định sự nhìn nhận của học sinh THCS về sự đồng hành của bố mẹ trong hoạt động học tập, đặc biệt là trong khuôn khổ của việc học bài và làm bài tập về nhà chịu sự chi phối của yếu tố giới tính của trẻ. Dường như, theo sự nhìn nhận của các em, các bậc phụ huynh thường có xu hướng thực hành kiểu đồng hành Tự do theo nguyên tắc đối với trẻ gái, kiểu Kiểm soát và Trợ giúp về mặt tình cảm đối với trẻ trai. Đây là điều hoàn toàn có thể luận giải được. Bởi lẽ, với những gì thụ hưởng được từ nền giáo dục truyền thống theo tư tưởng Nho giáo, trẻ em nữ Việt Nam thường có xu hướng dễ dàng tuân thủ, phục tùng hơn trẻ trai. Và do đó, các em dường như lại có được sự chủ động hơn, độc lập hơn trong công việc học tập của bản thân.

Thứ hai, *về độ tuổi của trẻ*, ngay cả khi lúc đầu chúng tôi không tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của độ tuổi của trẻ đến biểu tượng của các em về sự đồng hành trong việc học của bố mẹ, kết quả nghiên cứu vẫn chỉ ra rằng, các

học sinh ít tuổi hơn thừa nhận rằng, họ nhận được nhiều sự trợ giúp hơn từ phía bố mẹ. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, điều đó không có nghĩa là bố mẹ không trợ giúp, nâng đỡ cho những trẻ lớn. Bởi như đã trình bày ở trên, trong nghiên cứu này, không phải tuổi của trẻ là yếu tố ảnh hưởng quyết định đến biểu tượng của trẻ về sự trợ giúp tinh thần của bố mẹ trong việc học mà cần phải tính đến cả hai yếu tố lứa tuổi và giới tính trong sự nhìn nhận này.

### *5.2. Về biểu tượng của học sinh THCS về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học trong mối quan hệ với tự đánh giá bản thân*

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ mật thiết giữa biểu tượng về sự đồng hành của bố mẹ trong việc học và tự đánh giá bản thân của học sinh THCS. Ở mức độ tổng thể, trẻ có cái nhìn tích cực về sự đồng hành của bố mẹ trong hoạt động học tập thì cũng thường có sự tự đánh giá bản thân rất tích cực.

Trong số các kiểu đồng hành của bố mẹ, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, kiểu đồng hành Trợ giúp về mặt tình cảm và Tự do theo nguyên tắc ảnh hưởng tới tất cả các lĩnh vực đánh giá bản thân của trẻ. Theo quan điểm của trẻ, trong nhóm khách thể nghiên cứu của đề tài, thì dường như trẻ có sự nhìn nhận tích cực về sự Trợ giúp tình cảm của bố mẹ thì sẽ có được sự tự đánh giá bản thân ở mức độ cao. Kết quả nghiên cứu này khẳng định lại một lần nữa kết quả của các công trình nghiên cứu đã được tiến hành ở châu Âu. Theo đó, gia đình có sự ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của trẻ. Trẻ càng nhận được sự trợ giúp của bố mẹ về mặt tình cảm, trẻ càng dễ dàng đánh giá tích cực trong mối quan hệ với người khác.

Bên cạnh đó, kiểu đồng hành Tự do theo nguyên tắc cũng có những ảnh hưởng nhất định đến việc tự đánh giá bản thân của trẻ. Bởi lẽ, ở lứa tuổi vị thành niên, trẻ không chỉ cần có sự trợ giúp về mặt tình cảm mà các em cũng mong muốn có cơ hội được hành động, được tự do trong công việc và trong sự lựa chọn của bản thân. Việc tạo ra cho trẻ cảm giác trẻ phải tự có trách nhiệm trong việc học của chính mình dường như đã mang lại cho trẻ cảm nhận về tính hiệu quả, tính độc lập - những đặc tính có ảnh hưởng lớn tới sự tự đánh giá bản thân của trẻ.

*Tóm lại*, trong số 3 kiểu đồng hành của bố mẹ trong hoạt động học tập mà nghiên cứu đã rút ra được theo sự nhìn nhận của trẻ, chúng tôi nhận thấy, chính kiểu đồng hành *Trợ giúp về mặt tình cảm* giữ một vai trò chính yếu trong tự đánh giá bản thân của trẻ.

### **Chú thích**

1. Lưu ý: Số lượng khách thể nam và nữ trong các bảng số liệu trong bài viết đôi chỗ có sự khác nhau là do trong quá trình nhập số liệu, các phiếu trả lời không ghi đầy đủ thông tin về giới tính đã được mặc định là giá trị khuyết thiếu (missing).

2. Tự đánh giá bản thân thể hiện tập trung trong 4 lĩnh vực: Tự đánh giá bản thân trong gia đình (cái tôi gia đình), Tự đánh giá bản thân trong các mối quan hệ xã hội (Cái tôi xã hội), Tự đánh giá bản thân trong học tập (Cái tôi học đường) và Tự đánh giá bản thân về mặt thể chất (Cái tôi thể chất) (Trịnh Thị Linh, 2010).

### Tài liệu tham khảo

1. Corno, L., *Looking at homework differently*, The Elementary School Journal, 100 (5), 529 - 548, 2000.
2. Deslandes, R., Royer, E., Turcotte, D., & Bertrand, R., *School achievement at the secondary level: Influence of parenting style and parent involvement in schooling*, McGill Journal of Education, 32, 191-207, 1997.
3. Deslandes, R., & Potvin, P., *Les comportements des parents et les aspirations scolaires des adolescents*, La Revue Internationale de l'éducation Familiale. Recherches et Interventions, 2 (1), 9 - 24, 1998.
4. Dombusch, S. M., & Ritter, P. L., *Home-school processes in diverse ethnic groups, social classes and family structures*. In S.L. Christenson., & J.C. Conoley (Eds.), *Home-School collaboration: Enhancing children's academic and social competence* (pp. 111 - 124), Maryland: The National Association of School Psychologists, 1992.
5. Grolnick, W. S., & Ryan, R. M., *Parent styles associated with children's self-regulation and competence in school*, Journal of Educational Psychology, 81, 143 - 154, 1989.
6. Henderson, A.T., & Mapp, K.L., *A new wave of evidence, The impact of school, family, and community connections on student achievement*, Austin, TX: National Center of Family and Community, Connections with schools, 2002.
7. Lescarret, O., *Socialisation familiale, estime de soi et réussite scolaire. Contribution à une approche socio-développementale de la mobilisation scolaire dans ses rapports avec la culture familiale*, Habilitation à Diriger des Recherches, Tome I, Université de Toulouse-Le Mirail, 2000.
8. Oubrayrie-Roussel, N., Safont-Mottay, C., & Lescarret, O., *Prévention du mal-être des enfants et des adolescents de l'École Élémentaire au Collège, Dissonance des croyances et attitudes des partenaires éducatifs: quels effets sur le sens du travail et les capacités d'auto-régulation de l'élève? Rapport d'activité intermédiaire n°2*, Fondation Wyeth pour la Santé de l'enfant et de l'adolescent, 2008.
9. Vũ Thị Nho, *Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1999.